

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HS-PT

Ngày: 12-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Tăng Thị P và 02 đồng phạm do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2023/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Tăng Thị P, sinh năm: 1991 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Số C Đường C, Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 6/12; giới tính: nữ; dân tộc: Khmer; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông Tăng H, sinh năm 1959 và bà Thạch Thị C, sinh năm 1959; chồng: Dương Minh H1 (đã ly hôn); con: có 01 con sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2022 cho đến nay; có mặt.

2. Lê Văn C1, sinh năm: 1985 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn K, sinh năm 1962 và bà Đoàn Thị B, sinh năm 1959; vợ: Lê Thị Ngọc L; con: có 01 con sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: có 03 tiền sự, tại Quyết định số 12/QĐ-TA ngày

29/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 15/9/2021; tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 48/QĐ-XPHC ngày 29/7/2020 của Trưởng Công an xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chưa nộp phạt; tại Quyết định số 210/QĐ-QL ngày 01/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre đã áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy thời hạn 01 năm; nhân thân: tại Quyết định số 4130/QĐ-UB ngày 26/10/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 12 tháng về hành vi đánh nhau; tại Quyết định số 2311/QĐ-UB ngày 16/11/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng về hành vi gây mất trật tự khu dân cư; tại Bản án số 15/2013/HS-ST ngày 09/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù về “Tội chống người thi hành công vụ”, chấp hành xong hình phạt ngày 09/02/2015; tại Bản án số 07/2017/HS-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 09/10/2018; bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam C2 thuộc xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; có mặt.

3. Nguyễn Văn V, sinh năm: 1993 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 01/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971 và bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1976; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC ngày 07/9/2022 của Trưởng Công an xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chưa nộp phạt; bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam C2 thuộc xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/9/2022 Tăng Thị P đưa số tiền 5.700.000 đồng cho Nguyễn Văn V để mua ma túy loại heroine về bán lại lấy tiền, sau đó V đến khu vực đối diện quán K1 ở thành phố B mua ma túy của đối tượng nữ không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể rồi đem ma túy về đưa Lê Văn C1 phân ra thành nhiều đoạn ống nhựa để bán với giá

100.000 đồng mỗi đoạn.

Khoảng 08 giờ ngày 17/9/2022 tại nhà trọ P1 thuộc ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, Lê Văn C1 đang bán trái phép 02 ống nhựa ma túy với giá 200.000 đồng cho Trần Hoàng N1 (sinh năm 2004, cư trú ở ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre) thì bị Công an huyện M và Công an tỉnh B phát hiện bắt quả tang, cùng lúc đó, Công an phát hiện Nguyễn Văn V có hành vi cất giữ trong quần lót 01 hộp nhựa có chữ TOPRALSIN đựng 09 đoạn ống nhựa đều chứa chất màu trắng là ma túy nên lập biên bản bắt quả tang, tạm giữ các đồ vật và tài sản trên.

Qua làm việc Lê Văn C1 khai nhận trước đó sáng ngày 17/9/2022 C1 đã bán 01 ống nhựa chứa ma túy loại heroine giá 100.000 đồng cho Thái Quốc T (sinh năm 1988, cư trú ở ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long).

Nguyễn Văn V khai nhận trước đó, đã nhiều lần bán ma túy, cụ thể vào ngày 14/9/2022 V đã bán cho Nguyễn Văn T1 (sinh năm 2004, cư trú ở ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre) 02 ống nhựa ma túy loại heroine giá 200.000 đồng; vào ngày 15/9/2022 V bán cho Nguyễn Văn T1 01 ống nhựa ma túy heroine giá 100.000 đồng và bán cho Thái Quốc T 02 ống nhựa ma túy loại heroine giá 200.000 đồng; ngày 16/9/2022 V đã bán cho Thái Quốc T 02 ống nhựa ma túy loại heroine với giá 200.000 đồng. Ngoài ra V còn bán ma túy cho nhiều người khác không xác định được thông tin và thời gian.

Tăng Thị P khai nhận trước đó tại nhà trọ Phúc An A, P đã 03 lần bán ma túy loại heroine cho các đối tượng gồm: ngày 10/9/2022 P bán cho Lê Văn Tấn H2 (sinh năm 1991, cư trú ở ấp B, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre) 01 ống nhựa ma túy giá 100.000 đồng; ngày 15/9/2022 P bán cho Nguyễn Văn H3 (sinh năm 1980, cư trú ở ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre) 02 lần, mỗi lần 01 ống nhựa ma túy giá 100.000 đồng.

Theo kết luận giám định số 446/2022/KL-KTHS ngày 19/9/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận:

- Chất màu trắng đựng trong 02 đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,0173 gam.
- Chất màu trắng đựng trong 01 đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu K gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,0340 gam.

Theo kết luận giám định số 447/2022/KL-KTHS ngày 21/9/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận: chất rắn đựng trong 09 đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu MTV gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,3891 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2023/HS-ST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Văn C1, Nguyễn Văn V, Tăng Thị Phụng p “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s, khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tăng Thị P 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giam giữ là ngày 29/9/2022.

- Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Ghi nhận trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện M đã trả cho:

- Lê Văn C1: tiền Việt Nam 4.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 105 (thuộc sở hữu của Lê Văn C1).

- Nguyễn Văn V: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng (thuộc sở hữu của Nguyễn Văn V).

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: số tiền 200.000 đồng (02 tờ tiền polyme mệnh giá mỗi tờ là 100.000 đồng) đã thu giữ của Lê Văn C1 và được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo C1 và bị cáo V, xử lý vật chứng khác, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng tăng hình phạt tù đối với bị cáo Tăng Thị P và buộc các bị cáo phải nộp tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy để nộp ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre;

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phù hợp Bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Lê Văn C1, Nguyễn Văn V, Tăng Thị Phụng p “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo P là người đưa tiền để bị cáo V mua ma túy về phân ra bán nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với bị cáo V. Các bị cáo thực hiện việc bán ma túy nhiều lần

nhưng chỉ tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang là còn thiếu sót, không đúng quy định tại Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự. Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s, khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tăng Thị P từ 08 đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giam giữ là ngày 29/9/2022. Về biện pháp tư pháp, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự. Buộc các bị cáo nộp tiền thu lợi bất chính: Tăng Thị P phải nộp 950.000 đồng, Lê Văn C1 phải nộp 100.000 đồng, Nguyễn Văn V phải nộp 1.500.000 đồng. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Các bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo P, bị cáo V không nói lời sau cùng, bị cáo C1 yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo P do P bị bệnh hiểm nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành trong thời hạn phù hợp với quy định tại Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo kết hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Ngày 16/9/2022 Tăng Thị P đã đưa cho Nguyễn Văn V số tiền 5.700.000 đồng để mua ma túy loại heroin về cho Lê Văn C1 phân ra thành nhiều đoạn ống nhựa bán lấy tiền với giá 100.000 đồng mỗi đoạn. Ngày 17/9/2022 tại nhà trọ Phúc An A, Lê Văn C1 đang bán trái phép 02 ống nhựa ma túy loại heroin (0,0173g) cho Trần Hoàng N1 với giá 200.000 đồng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Cùng trong ngày 17/9/2022, C1 bán một ống nhựa ma túy loại heroine cho Thái Quốc T với giá 100.000 đồng. Nguyễn Văn V có hành vi cất giữ trong người 01 hộp nhựa có chữ TOPRALSIN đựng 09 đoạn ống nhựa đều chứa chất màu trắng là ma túy (0,3891g) nên lập biên bản bắt quả tang.

Qua điều tra thể hiện:

Nguyễn Văn V đã nhiều lần bán ma túy, cụ thể vào ngày 14/9/2022 V đã bán ma túy cho Nguyễn Văn T1 02 tép giá 200.000 đồng, vào ngày 15/9/2022 V bán ma túy cho Nguyễn Văn T1 01 tép giá 100.000 đồng; Ngày 15/9/2022 V bán cho Thái Quốc T 02 tép giá 200.000 đồng và ngày 16/9/2022 V bán ma túy cho Thái Quốc T 02 tép giá 200.000 đồng. Vẹn đi mua ma túy ba lần hưởng lợi 1.500.000 đồng tiền công.

Tăng Thị P đã ba lần bán ma túy loại heroine cho các đối tượng gồm: Ngày 10/9/2022 P bán cho Lê Văn Tấn H2 01 tép giá 100.000 đồng; ngày 15/9/2022 P bán cho Nguyễn Văn H3 02 tép giá 200.000 đồng H3 trả 150.000 đồng còn nợ 50.000 đồng. P đưa tiền cho V đi mua ma túy ba lần V hưởng lợi 1.500.000 đồng tiền công.

Với ý thức, hành vi, số lần bán ma túy của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Lê Văn C1, Nguyễn Văn V, Tăng Thị Phụng p “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, thấy rằng: Qua xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện, số tiền có được để mua ma túy là do C1 là người đi mượn có được để mua ma túy, bị cáo C1 thừa nhận C1 là người giữ vai trò chính trong vụ án, P chỉ là người quản lý tiền và ma túy sau khi phân chia và P có tham gia bán ma túy, thể hiện vai trò của P là người thực hành theo ý của C1 (phù hợp lời khai của C1 tại BL 336: *“Cách đây ba tuần do việc kinh doanh máy bắn cá không đủ tiêu xài nên tôi mới nảy sinh ý định mua ma túy về bán kiếm lời”*, phù hợp lời khai của P tại BL 283: *“Do cuộc sống khó khăn, cách nay 10 ngày C1 nói với tôi mua ma túy về bán kiếm tiền, tôi đồng ý”*). Xét về nhân thân bị cáo P có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, so với các bị cáo C1 và V (đều có tiền sự liên quan đến ma túy), bị cáo P là người dân tộc, hiện bị bệnh hiểm nghèo (BL 434), bị cáo có con còn nhỏ (có thêm tình tiết giảm nhẹ mới thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Với mức hình phạt 07 năm tù đối với bị cáo P là phù hợp nên được giữ nguyên nên không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre về việc tăng hình phạt tù đối với bị cáo P.

Đối với Lê Văn C1, Nguyễn Văn V không bị kháng nghị, không có kháng cáo về hình phạt tù nên không xem xét.

Đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy cần phải tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên tịch thu số tiền

200.000 đồng khi bắt quả tang mà Lê Văn C1 bán ma túy là còn thiếu sót. Nên cần buộc các bị cáo nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là phù hợp. Số tiền bán ma túy có được từ Vẹn (700.000 đồng) về giao cho Tăng Thị P; của P 250.000 đồng, nên buộc bị cáo P giao nộp tổng cộng là 950.000 đồng; bị cáo C1 bán một tốp ma túy 100.000 đồng tự tiêu xài cá nhân nên buộc nộp lại 100.000 đồng, để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre; sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Tăng Thị Phụng p “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Tăng Thị P** 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2022.

Hình phạt tù đối với Lê Văn C1, Nguyễn Văn V không bị kháng nghị, không có kháng cáo nên không xem xét.

2. Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: số tiền 200.000 đồng, đã thu giữ của Lê Văn C1 và được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2

- Buộc các bị cáo Tăng Thị P, Lê Văn C1, Nguyễn Văn V phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy để nộp ngân sách nhà nước gồm:

+ Bị cáo Tăng Thị P số tiền 950.000 (chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

+ Bị cáo Lê Văn C1 số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Văn V số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND h. Mô Cày Bắc (3b);
- VKSND h. Mô Cày Bắc (1b);
- Công an h. Mô Cày Bắc (1b);
- Chi cục THADS h. Mô Cày Bắc (1b);
- UBND Phường x, tp. Sóc Trăng, t. Sóc Trăng (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre (2b);
- Nhà tạm giữ Công an h. Mô Cày Bắc (1b);
- Các bị cáo (3b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh